

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu  
cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà

nước;

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4039/TTr-SNV ngày 06 tháng 6 năm 2024, Tờ trình số 5799/TTr-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2786/BC-STP-KTrVB ngày 13 tháng 5 năm 2024 và ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức,  
người lao động của Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quy định tại Quy chế này bao gồm:

a) Cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019) và Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Viên chức theo quy định của Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung tại Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019);

d) Người được tuyển dụng vào công chức, viên chức đang thực hiện chế độ tập sự;

đ) Người làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố Hồ Chí Minh* (sau đây gọi tắt là *Cơ sở dữ liệu của Thành phố*) là các thông tin được thu thập từ mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BNV) của mỗi cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; được tổ chức thành tập hợp thông tin có cấu trúc để cập nhật, khai thác và quản lý thông qua trang thiết bị công nghệ thông tin.

2. *Tài khoản người dùng* là tên người dùng và mật khẩu để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu của Thành phố (sau đây gọi tắt là tài khoản).

3. *Quyền truy cập* là quyền của người sử dụng được kết nối và làm việc thông qua tài khoản được cấp để khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

4. *Ký số* là việc sử dụng thiết bị lưu giữ thông tin chữ ký của mỗi cá nhân đã được mã hóa phục vụ việc sử dụng dịch vụ chữ ký số kết hợp với chức năng của Cơ sở dữ liệu của Thành phố để ký các văn bản điện tử theo thẩm quyền trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu của Thành phố**

1. Cơ sở dữ liệu của Thành phố được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu của Thành phố và được quản lý thống nhất tại Sở Nội vụ. Quyền cập nhật, khai thác thông tin được cấp theo đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích sử dụng của

từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Cơ sở dữ liệu của Thành phố phải đáp ứng được yêu cầu cập nhật, sử dụng, khai thác thông tin 24/24 giờ hằng ngày, trừ thời gian tạm dừng để bảo dưỡng, nâng cấp (có thông báo cụ thể).

3. Những thông tin có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời gian công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác theo thời gian thực.

4. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được cung cấp 01 tài khoản để truy cập vào Cơ sở dữ liệu của Thành phố; chịu trách nhiệm về việc khai báo thông tin cá nhân lên Cơ sở dữ liệu của Thành phố và cập nhật kịp thời những thay đổi về thông tin cá nhân.

5. Chỉ những người có thẩm quyền quản lý hoặc được cấp quyền truy cập mới được phép sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

6. Các cơ quan, đơn vị theo phân cấp về công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm đôn đốc việc cập nhật kịp thời, chính xác và đầy đủ thông tin cá nhân hiện có vào Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

7. Việc kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu của Thành phố với các hệ thống khác thực hiện theo quy định của pháp luật và phải được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Các hành vi không được làm**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

### **Chương II**

## **CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Điều 6. Bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin đối với Cơ sở dữ liệu của Thành phố**

1. Cơ sở dữ liệu của Thành phố được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, cập nhật, quản lý, sử dụng,

khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ quyền riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan; tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố.

2. Dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải bảo đảm cập nhật kịp thời, chính xác thông tin liên quan đến hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có sự thay đổi; được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

### **Điều 7. Tạo lập hồ sơ, cập nhật mới, sửa đổi, bổ sung thông tin và phê duyệt dữ liệu**

1. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định chuẩn y đối với cán bộ, quyết định tuyển dụng đối với công chức, viên chức, hợp đồng đối với người lao động, theo thẩm quyền, đơn vị sử dụng có trách nhiệm cấp tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp tài khoản, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm cập nhật mới thông tin về hồ sơ cá nhân và ký số trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố, cụ thể:

a) Đối với thông tin, dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý do Sở Nội vụ trực tiếp theo dõi và quản lý.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức ký số hoàn thành cập nhật hồ sơ cá nhân, công chức của Sở Nội vụ được giao phụ trách có trách nhiệm rà soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu bảo đảm phù hợp với tài liệu kiểm chứng hoặc hồ sơ gốc, sau đó xác thực bằng ký số;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày công chức của Sở Nội vụ ký số xác thực thông tin, Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực và phê duyệt hồ sơ bằng ký số.

b) Đối với thông tin, dữ liệu cập nhật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ký số hoàn thành cập nhật hồ sơ cá nhân, người đứng đầu bộ phận tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu bảo đảm phù hợp với tài liệu kiểm chứng hoặc hồ sơ gốc, sau đó xác thực bằng ký số;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực và phê duyệt hồ sơ bằng ký số.

c) Cập nhật thay đổi (nếu có)

Đối với thông tin thay đổi của cá nhân thì cá nhân có trách nhiệm cập nhật và ký số trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi phát sinh nội dung thay đổi. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt dữ liệu thay đổi trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân ký số hoàn thành cập nhật, bổ sung hồ sơ.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm phê duyệt dữ liệu bằng ký số từ Cơ sở dữ liệu của Thành phố để đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

**Điều 8. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu**

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có quyết định điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến bộ phận mới trong cùng đơn vị, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, đơn vị có trách nhiệm chuyển hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố đến bộ phận mới.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có quyết định điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, cơ quan, đơn vị chuyển hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố đến cơ quan, đơn vị mới.

3. Trường hợp tiếp nhận hoặc chuyển hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan, đơn vị đề nghị Sở Nội vụ chuyển giao hồ sơ bằng văn bản.

4. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng hoặc từ trần, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc kể từ ngày nhận được giấy chứng tử, cơ quan, đơn vị

cập nhật trạng thái hồ sơ tương ứng trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

### **Điều 9. Khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố bằng tài khoản do Sở Nội vụ cung cấp và truy cập Cơ sở dữ liệu của Thành phố tại địa chỉ: <https://csdlcbccvc.tphcm.gov.vn/>.

2. Đối tượng được sử dụng và khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được nghiên cứu, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của mình trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố để phục vụ công tác quản lý theo thẩm quyền.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được sử dụng toàn bộ thông tin dữ liệu của mình được in từ Cơ sở dữ liệu của Thành phố để rà soát và cập nhật thông tin cá nhân.

3. Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu của Thành phố để tổng hợp, phân tích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Nội vụ phục vụ công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành phố; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác có liên quan của Thành phố.

4. Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố khi được xuất theo văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

5. Sau khi dữ liệu được phê duyệt, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Thành phố thực hiện in sơ yếu lý lịch của mình từ Cơ sở dữ liệu của Thành phố để nộp bộ phận tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có yêu cầu.

### **Điều 10. Lưu trữ cơ sở dữ liệu**

1. Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố và được sao lưu định kỳ hằng tháng, tối thiểu ba (ba) tháng



nếu đã có phiên bản sao lưu mới trên phương tiện lưu trữ chuyên dụng để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC CẬP NHẬT, KHAI THÁC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu, cập nhật, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố, tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu của Thành phố phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 47/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

2. Quản lý hoặc phân cấp quản lý tài khoản; cấp và hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu của Thành phố trong phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức, người lao động làm công tác quản lý, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý Cơ sở dữ liệu của Thành phố; xem xét, xử lý vi phạm của cơ quan, đơn vị và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

5. Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Đảng, Nhà nước; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy trình mã hóa dữ liệu để đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan định kỳ kiểm tra đánh giá an toàn thông tin hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

7. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phê duyệt, ký số và đồng bộ Cơ sở dữ liệu của Thành phố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Hướng dẫn kỹ thuật và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

2. Bảo đảm về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thực hiện các biện pháp bảo đảm bảo mật, an ninh, an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu của Thành phố để vận hành, duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục; thực hiện việc sao lưu định kỳ Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị sử dụng Cơ sở dữ liệu của Thành phố trong việc cung cấp, thu hồi, quản lý tài khoản, khắc phục sự cố, hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố**

1. Đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu của Thành phố với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ định kỳ sao lưu, lưu trữ Cơ sở dữ liệu Thành phố theo quy định.

### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được phân cấp quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

1. Được cấp quyền truy cập; được quyền khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của Thành phố thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để kết nối và xử lý dữ

liệu thông tin trên Cơ sở dữ liệu của Thành phố; bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có đủ năng lực để phụ trách công tác cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu của Thành phố thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin, dữ liệu do đơn vị cập nhật.

4. Áp dụng các biện pháp để bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật Cơ sở dữ liệu của Thành phố thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và thông báo kịp thời về Sở Nội vụ những vấn đề phát sinh liên quan đến Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

### **Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

1. Được cấp quyền truy cập để thực hiện quyền khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của Thành phố theo Quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Kê khai, cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác thông tin cá nhân trong hồ sơ của mình theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, đơn vị về tính trung thực của những thông tin đã kê khai, cung cấp.

3. Áp dụng các biện pháp để bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật Cơ sở dữ liệu của Thành phố.

4. Tự quản lý tài khoản, thường xuyên thay đổi mật khẩu tài khoản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Trường hợp mất mật khẩu hoặc tài khoản có dấu hiệu bị đánh cắp mật khẩu phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và báo cáo bằng văn bản về Sở Nội vụ để được cấp lại mật khẩu mới.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị do mình phụ trách.

4. Các tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.